

2. Hứa Thị G, sinh năm 1990, tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Quốc B, sinh năm 1954 và bà Lê Thị N, sinh năm 1955; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2011 bị Công an phường T, thành phố H xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

* *Người bị hại*: Bà D, Julie, sinh ngày 15/11/1989; quốc tịch: Pháp; tạm trú tại: phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2000; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1981; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1975; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/5/2019, Nguyễn Thị L và Hứa Thị G xin làm nhân viên phục vụ tại Biệt thự du lịch H (địa chỉ tại phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) với công việc hằng ngày là dọn vệ sinh, nấu ăn và thời gian làm việc từ 07 giờ 30 phút đến 14 giờ hàng ngày.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/5/2019, Nguyễn Thị L và Hứa Thị G đến làm việc tại khu Biệt thự du lịch H. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, L và G vào dọn vệ sinh tại Phòng số 2, Biệt thự du lịch H do bà D, Julie (sinh năm 1989) và ông D (sinh năm 1989), Quốc tịch Pháp thuê ở từ ngày 16/5/2019. Khi đang dọn vệ sinh thì G thấy trên chiếc ghế dựa ở trong phòng có để 01 chiếc ba lô nhưng không cài khóa (trạng thái mở). G nhìn vào chiếc ba lô thì thấy có 01 chiếc ví bằng vải ca rô màu trắng đỏ của bà D, Julie. G lấy chiếc ví ra rồi mở chiếc ví ra xem thì thấy bên trong có rất nhiều tiền ngoại tệ. Lúc này, L cũng nhìn thấy tiền trong ví nên nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài nên đã nói với G:

“Lấy ít”, thì G hỏi lại L: “Lấy bao nhiêu?”, L trả lời: “Lấy ít thôi!”. Sau đó L ra ngoài cửa Phòng số 2 canh người qua lại còn G lấy 03 (ba) tờ tiền mệnh giá mỗi tờ là 50 EURO và 03 (ba) tờ tiền mệnh giá mỗi tờ là 20 EURO, tổng cộng là 210 EURO. G bỏ số tiền này vào túi quần rồi để ví lại vị trí ban đầu. Sau đó, G và L tiếp tục làm việc cho đến 14 giờ cùng ngày thì ra về. G điều khiển xe máy biển số 92C1-267.24 chở L đến chợ V (phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam). Tại đây, G giao cho L một tờ tiền mệnh giá 20 EURO để L vào Hiệu vàng K (thành phố H, tỉnh Quảng Nam) đổi cho bà Lê Thị Cẩm L được số tiền 510.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. G tiếp tục chở L về gần đến nhà trọ của L thì dừng lại. G và L chia đôi số tiền vừa đổi, mỗi người được 255.000 đồng, còn lại 190 EURO thì G cất giữ. Khi về đến nhà G đem số tiền 190 EURO cất giấu vào ngăn đông của tủ lạnh.

Tiếp tục, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/5/2019, L và G vào dọn vệ sinh tại Phòng số 2, Biệt thự du lịch H. Khi dọn vệ sinh thì G thấy ba lô của bà D, Julie vẫn đặt ở vị trí cũ nên G tiếp tục lấy chiếc ví trong ba lô ra xem thì thấy vẫn còn nhiều tiền ngoại tệ. Lúc này, G nói với L: “Lấy ít” thì L trả lời: “Ừ” và L ra cửa phòng canh người qua lại còn G lấy 05 (năm) tờ tiền mệnh giá mỗi tờ là 50 EURO và 03 (ba) tờ tiền mệnh giá mỗi tờ là 20 EURO, tổng cộng là 310 EURO. G bỏ số tiền này vào túi quần rồi đặt ví lại vị trí ban đầu.

Nhưng G nói dối L là chỉ lấy được 160 EURO (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 50 EURO và 03 tờ tiền mệnh giá 20 EURO), còn cất giữ riêng 150 EURO (03 tờ mệnh giá 50 EURO) không cho L biết. Sau đó, L và G tiếp tục làm việc cho đến 14 giờ cùng ngày thì G điều khiển xe máy biển số 92C1-267.24 chở L về. Khi về đến gần nhà trọ của L thì G dừng xe lại và đưa cho L 160 EURO (gồm hai tờ tiền mệnh giá 50 EURO; ba tờ tiền mệnh giá 20 EURO) và nói với L “Còn lại 30 EURO chị em mình chia sau (vì vào ngày 17/5/2019, G cất giữ 190 EURO)”, về đến nhà trọ, L lấy 90 EURO (gồm 01 tờ mệnh giá 50 EURO và 02 tờ tiền mệnh giá 20 EURO) đưa cho con gái của L là Nguyễn Thị Thu H và bảo H đi đổi sang tiền Việt Nam để mua thức ăn và các vật dụng trong gia đình, còn 70 EURO (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50 EURO và 01 tờ tiền mệnh giá 20 EURO) L đem cất giấu trong túi vải treo ở cây móc quần áo để tại nhà bếp. H cầm số tiền 90 EURO L đưa đi đến tiệm vàng Kim Hồng P (thành phố H) đổi cho bà Võ Thị Ngọc P được số tiền 2.327.000 đồng. Số tiền đổi được, H mua sắm hết 1.011.000 đồng, số tiền còn lại 1.316.000 đồng, H đã giao nộp khi làm việc với Cơ quan điều tra. Còn số tiền 70 EURO, L cất dấu trong túi vải treo ở cây móc quần áo.

Tổng cộng Nguyễn Thị L và Hứa Thị G đã trộm cắp 02 lần của bà D, Julie để lấy số tiền 520 EURO (gồm 08 tờ tiền mệnh giá 50 EURO và 06 tờ tiền mệnh giá 20 EURO). L và G đã tiêu xài hết số tiền 20 EURO quy đổi được 510.000 đồng Việt Nam. Nguyễn Thị Thu H (con gái L) đổi 90 EURO được số tiền 2.327.000 đồng, H đã tiêu xài số tiền 1.011.000 đồng. Số tiền còn lại 410 EURO và 1.316.000 đồng, H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tiền hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thị L thu giữ trong túi xách treo ở cây móc quần áo để tại nhà bếp số tiền 70 EURO (01 tờ mệnh giá 50 EURO; 01 tờ mệnh giá 20 EURO) do L trộm cắp của bà D, Julie.

Tiền hành khám xét nơi ở của Hứa Thị G thu giữ trong ngăn đông tủ lạnh: 340 EURO (06 tờ tiền mệnh giá 50 EURO; 02 tờ tiền mệnh giá 20 EURO) do G trộm cắp của bà D, Julie; 02 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ; 01 tờ tiền mệnh giá 100 bath Thái của chồng G đưa G cất giữ.

Tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, L và G đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản tại Biệt thự du lịch H vào các ngày 17, 18/5/2019.

Người bị hại bà D, Julie và ông D (bạn trai của bà D, Julie) khai báo đã bị mất trộm số tiền khoảng trên 500 EURO như các bị can khai.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-ĐGTS ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận giá trị của tài sản tại thời điểm mất trộm cụ thể như sau:

- 210 EURO (bị mất trộm vào ngày 17/5/2019) có giá trị 5.460.000 đồng;
- 310 EURO (bị mất trộm vào ngày 18/5/2019) có giá trị 8.060.000 đồng;
- Tổng cộng 520 EURO có giá trị 13.520.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị L, Hứa Thị G** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L 18 (Mười tám)** tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Hứa Thị G 18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, Nguyễn Thị L, Hứa Thị G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 11/12/2019, Hứa Thị G có đơn xin cứu xét xin hưởng mức án cải tạo không giam giữ.

Ngày 12/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có kháng nghị số 04/QĐ-VKS-P2 đề nghị sửa án sơ thẩm tăng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị L do áp dụng Điều 54 BLHS không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng Điều 54 BLHS và tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận: Trong các ngày 17 và 18/5/2019, Nguyễn Thị L và Hứa Thị G đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 lần của bà D, Julie với tổng số tiền 520 EURO (gồm 08 tờ tiền mệnh giá 50 EURO và 06 tờ tiền mệnh giá 20 EURO). Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-ĐGTS ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận tổng giá trị của tài sản tại thời điểm mất trộm là 13.520.000 đồng. Vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm do G và L thực hiện. Trong lúc vệ sinh phòng vô tình phát hiện tài sản của người bị hại,

các bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp. G phân công L canh cửa, G trực tiếp lấy tiền để chia nhau tiêu xài.

Trong vụ án này, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 BLHS xét xử đối với các bị cáo. Đối với Nguyễn Thị L có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 và chỉ một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Điều 51 BLHS, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên hệ đối với bị cáo là có phần thiếu chính xác. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị L đã khai báo thành khẩn và chỉ nơi cất giấu tang vật, hợp tác và góp phần tích cực với cơ quan điều tra sớm thu hồi toàn bộ tài sản và sớm kết thúc vụ án. Mặt khác, hiện gia đình của các bị cáo rất khó khăn, không có nhà ở chủ yếu làm thuê theo thời vụ kiếm sống nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, khoản 1 Điều 51 BLHS. Mức hình phạt 18 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Xét thấy, để bảo đảm tính ổn định của bản án sơ thẩm, nên không nhất thiết phải sửa án, tăng hình phạt như kháng nghị của VKS tỉnh Quảng Nam và bác kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L và Hứa Thị G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L, Hứa Thị G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L 18 (Mười tám)** tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, buộc bị cáo **Nguyễn Thị L** phải chấp

hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Hứa Thị G 18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Các bị cáo Nguyễn Thị L, Hứa Thị G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tồn